

NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN WEB

HTML

GV: LƯƠNG THỊ HỒNG LAN

EMAIL: LANLHBK@TLU.EDU.VN

MỤC TIÊU BÀI HỌC



- HIỂU NGÔN NGỮ HTML**
- SỬ DỤNG CÁC THẺ ĐỊNH DẠNG**
- SỬ DỤNG ẢNH**
- SỬ DỤNG LIÊN KẾT**
- SỬ DỤNG MỘT SỐ THẺ CƠ BẢN**

NGÔN NGỮ HTML

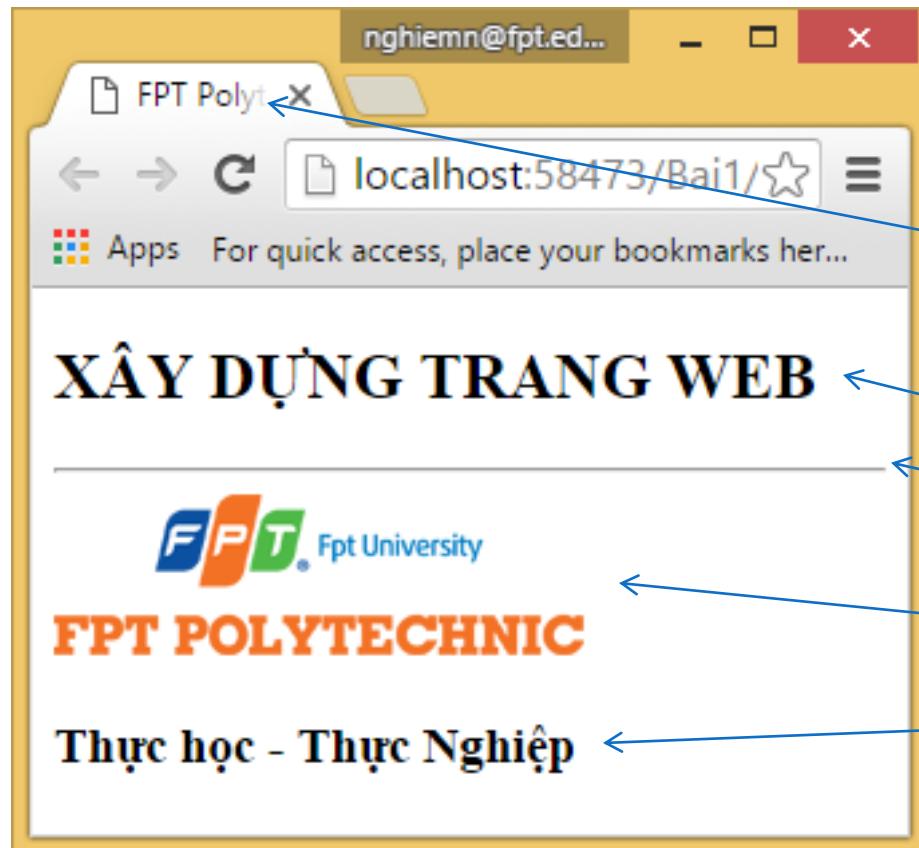


HTML là gì?

- HTML (HyperText Markup Language) tạm dịch là “Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản”
- HTML được thiết kế ra để tạo nên các trang web. Nó bao gồm một tập các thẻ.
- Thẻ là thành phần đánh dấu bắt đầu và kết thúc mỗi phần nào đó trên giao diện trang web.
 - Tiêu đề trang
 - Ảnh
 - Liên kết
 - Bố cục...
- Trình duyệt web có nhiệm vụ đọc các thẻ và hiển thị theo yêu cầu đã định nghĩa.

Khám phá mã HTML của trang HelloWorld.html

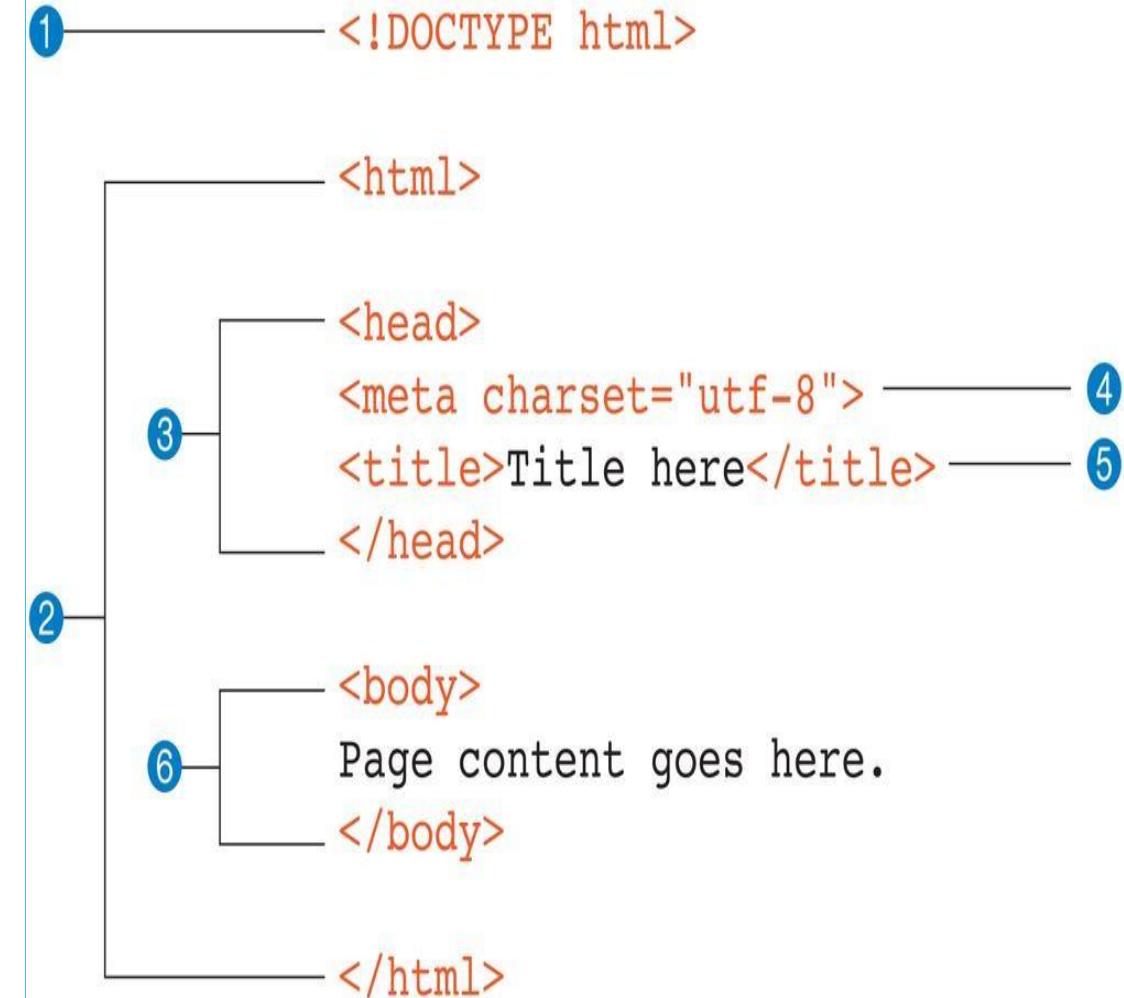
❑ Mã HTML trang HelloWorld.html



```
<!DOCTYPE html>
<html>
  <head>
    <meta charset="utf-8" />
    <title>FPT Polytechnic</title>
  </head>
  <body>
    <h2>XÂY DỰNG TRANG WEB</h2>
    <hr />
    
    <h3>Thực học - Thực Nghiệp</h3>
  </body>
</html>
```

Cấu trúc của trang HTML5

```
<!DOCTYPE html>
<html>
  <head>
    <meta charset="utf-8" />
    <title>FPT Polytechnic</title>
  </head>
  <body>
    <h2>XÂY DỰNG TRANG WEB</h2>
    <hr />
    
    <h3>Thực học - Thực Nghiệp</h3>
  </body>
</html>
```



Ví dụ: Trang HTML 5

Mã HTML của trang web article.html



```
<!DOCTYPE html>
<html>
  <head>
    <meta charset="utf-8" />
    <title>Sinh viên FPT</title>
  </head>
  <body>
    <h3>Sinh viên FPT Polytechnic</h3>
    <p align="justify">
      
      Tất cả sinh viên đều có quyền học tập và có quyền được cung cấp một học vấn, kỹ năng phù hợp với năng lực. FPT Polytechnic cung cấp một chương trình học tập thiên về thực hành với mục tiêu chỉ cần sinh viên chăm chỉ, có ý thức học hỏi, cầu tiến thì sẽ đáp ứng được nhu cầu việc làm của doanh nghiệp.
    </p>
  </body>
</html>
```

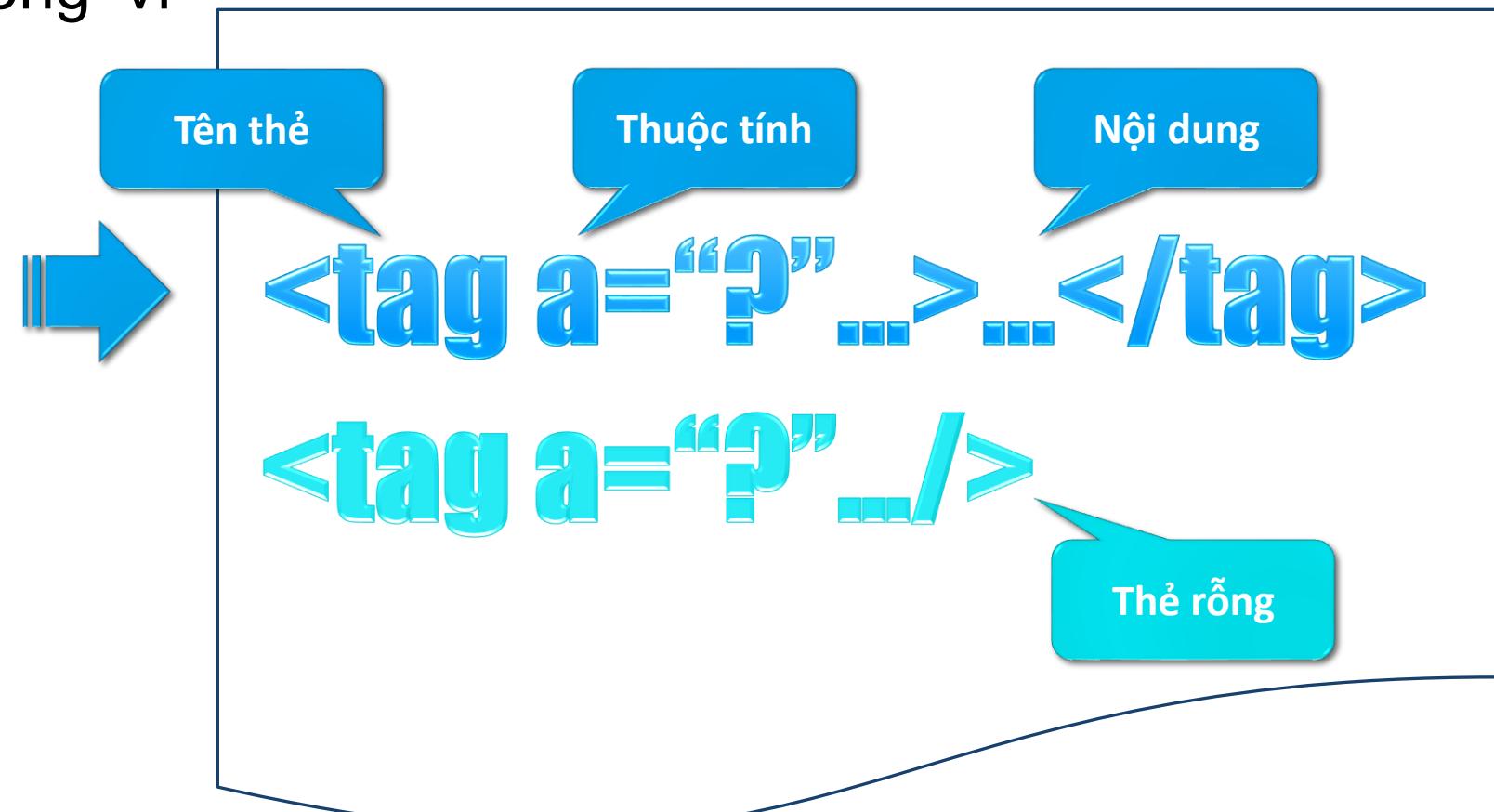
CĂN ĐỀU 2 BÊN

VỊ TRÍ ẢNH

CẤU TRÚC THẺ HTML

❑ Các thẻ đã sử dụng trong ví dụ trước:

- <html>...</html>
- <head>...</head>
- <meta **charset**=“?” />
- <title>...</title>
- <body>...</body>
- <h3>...</h3>
- <p **align**=“?”>...</p>
-



-
- ❑ Tạo website
 - ❑ Tạo một trang HelloWorld
 - ❑ Chạy một trang HelloWorld
 - ❑ Tổ chức tài nguyên



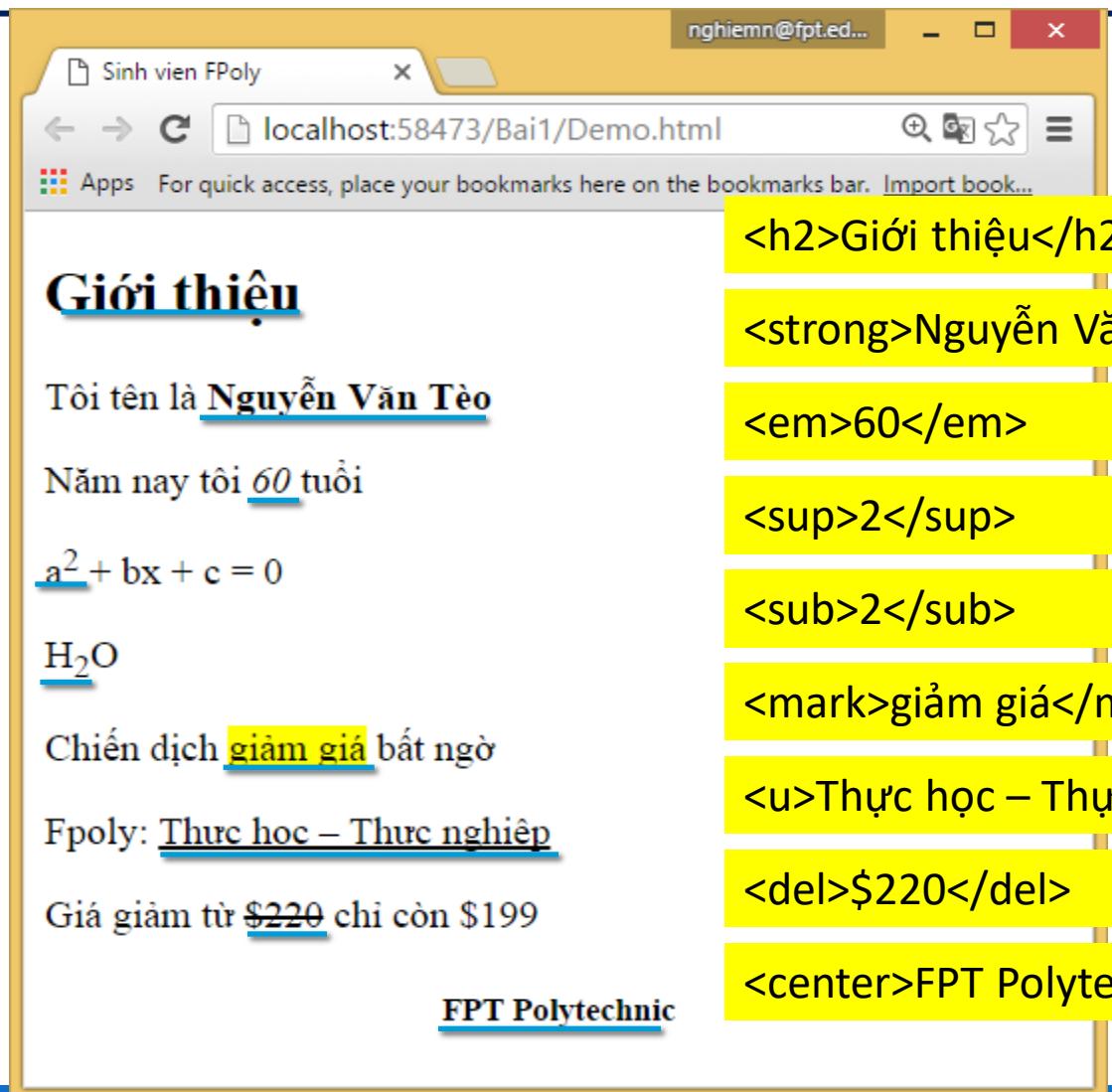
Giới thiệu HTML

XÂY DỰNG TRANG WEB
GIỚI THIỆU HTML

ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN



ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN



❑ Các thành phần định dạng sau đây

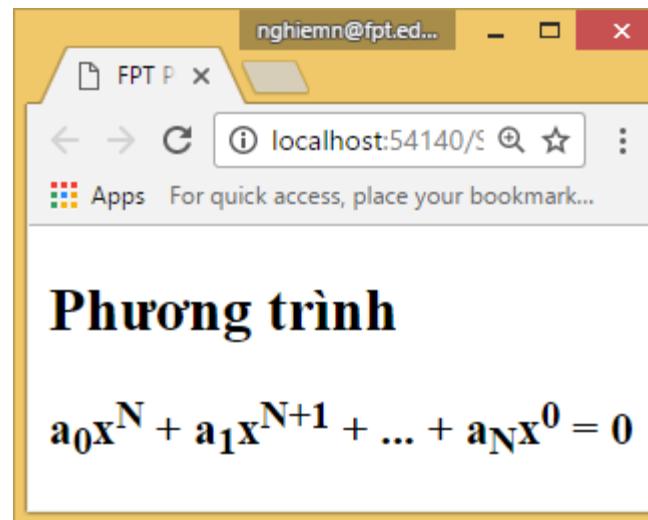
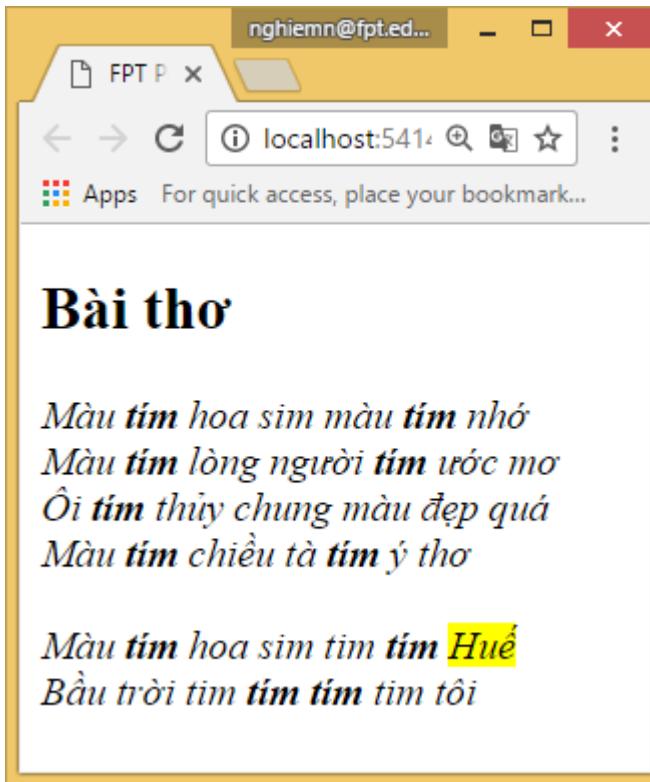
- Tiêu đề
- In đậm
- In nghiêng
- Chỉ số trên
- Chỉ số dưới
- Highlight
- Gạch chân
- Gạch bỏ
- Căn giữa

ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN

Định dạng	Thẻ	Ví dụ
Tiêu đề	<code><h1>..<h6></code>	<code><h2>Giới thiệu</h2></code>
In đậm	<code>, </code>	Tôi tên là <code>Nguyễn Văn Tèo</code>
In nghiêng	<code><i>, , <address></code>	Năm nay tôi <code>60</code> tuổi
Chỉ số trên	<code><sup></code>	$ax^{2} + bx + c = 0$
Chỉ số dưới	<code><sub></code>	$H_{2}O$
Highlight	<code><mark></code>	Chiến dịch <code><mark>giảm giá</mark></code> bất ngờ
Gạch chân	<code><u>, <ins></code>	Fpoly: <code><u>Thực học – Thực nghiệp</u></code>
Gạch bỏ	<code>, <strike></code>	Giá giảm từ <code>\$220</code> chỉ còn \$199
Căn giữa	<code><center></code>	<code><center><h1>FPT Polytechnic</h1></center></code>

ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN

☐ Định dạng văn bản



ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN

Ví dụ Sử dụng tất các heading từ h1 đến h6

```
<html>
  <head>
    <title>Heading</title>
  </head>
  <body>
    <!-- sử dụng các heading từ lớn đến nhỏ -->
    <h1>This is a heading</h1>
    <h2>This is a heading</h2>
    <h3>This is a heading</h3>
    <h4>This is a heading</h4>
    <h5>This is a heading</h5>
    <h6>This is a heading</h6>
  </body>
</html>
```



This is a heading

Ví dụ sử dụng các tags định dạng văn bản

```
html>
<head><title></title></head>
<body>
<font size="4" face="Times New Roman">
<p align="center"> <u>TỜ TRÌNH </u> </p>
</font>
<font size="2" face=""Times New Roman"">
    Kính đề nghị <b>BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b> cho phép trường CĐSP X được phép mở
    <i>ngành đào tạo tin học trình độ cao đẳng</i>
    <p>Lý do và điều kiện mở ngành:</p>
</font>
<font size="2" face="Arial"><p align ='right'>
    <b><i>Hiệu trưởng</i></b></p></font>
</body>
</html>
```

Kết quả



Ví dụ thiết lập màu chữ và màu nền cho trang web

```
<html>
  <head>
    <title></title>
  </head>
  <body bgcolor = “#0000ff” text =“#ffffff”>
    Chữ trắng trên nền xanh
  </body>
</html>
```

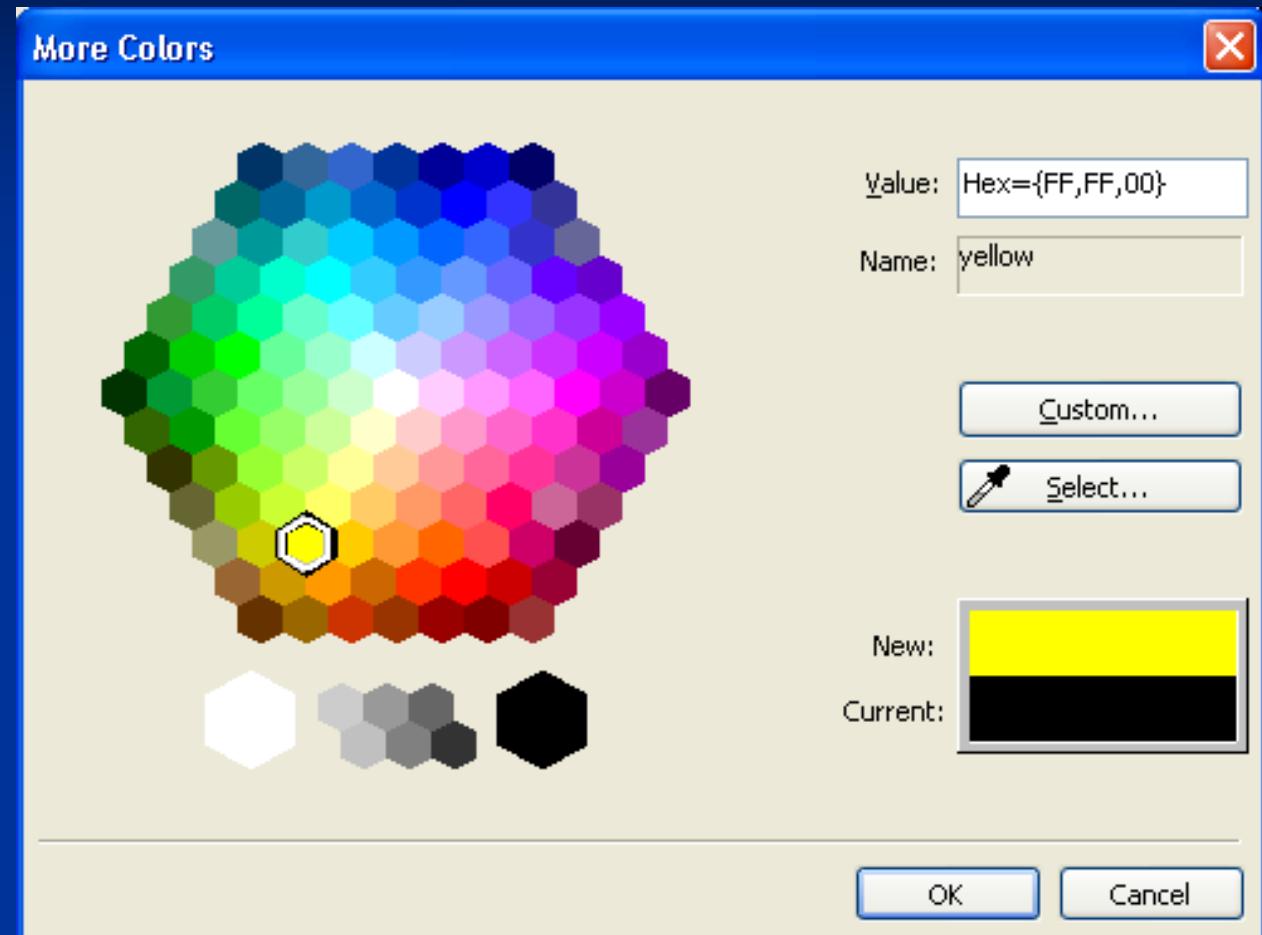
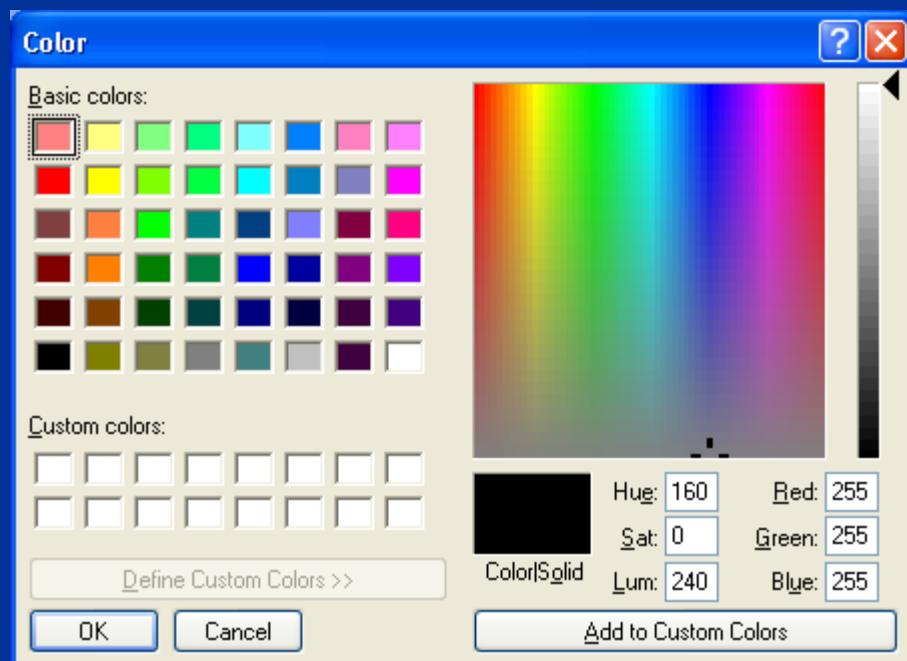
Màu (2)

Một số màu cơ bản

Màu	Giá trị
Black	"#000000"
White	"#FFFFFF"
Gray	"#808080"
Green	"#008000"
Yellow	"#FFFF00"
Blue	"#0000FF"
Red	"#FF0000"

Màu (3)

Bảng màu
thường dùng



1. Tạo danh sách có thứ tự (Ordered List)

```
<ol>
  <li>option 1</li>
  <li>option 2</li>
  .....
  <li>option n</li>
</ol>
```

2. Danh sách không có thứ tự (Unordered List)

```
<ul>
  <li>option 1</li>
  <li>option 2</li>
  .....
  <li>option n</li>
</ul>
```

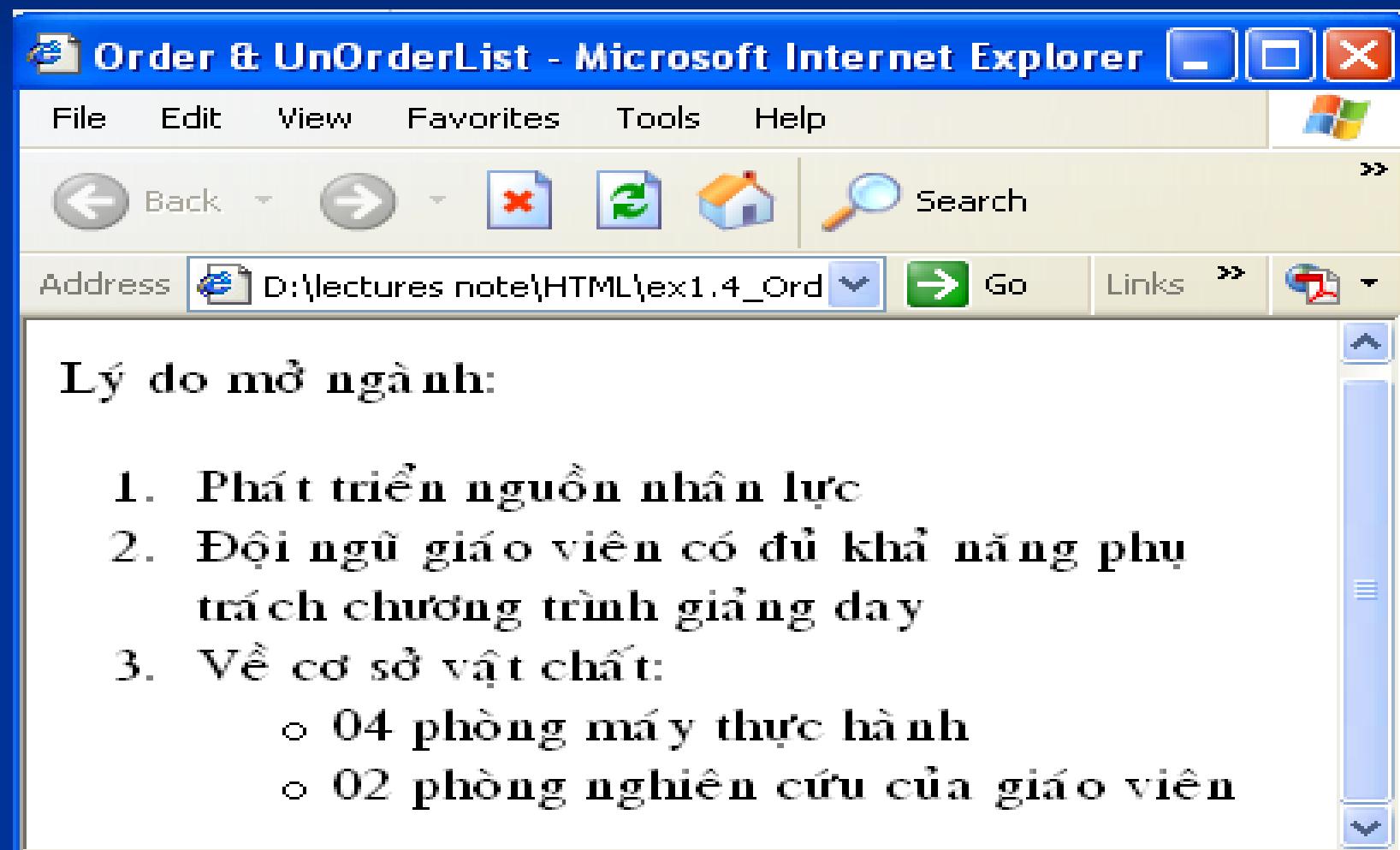
Danh sách (List)

Ví dụ: Tạo danh sách

```
<html>
  <head> <title>Order & UnOrderList</title> </head>
  <body>
    <font size="4" face="Time New Roman">
      Lý do mở ngành:
      <OL>
        <LI>Phát triển nguồn nhân lực</LI>
        <LI>Đội ngũ giáo viên có đủ khả năng phụ trách chương trình  
giảng dạy</LI>
        <LI>Về cơ sở vật chất:
          <UL>
            <LI>04 phòng máy thực hành</LI>
            <LI>02 phòng nghiên cứu của giáo viên</LI>
          </UL>
        </LI>
      </OL>
    </font>
  </body>
</html>
```

Ví dụ: Tạo danh sách

Kết quả :



HÌNH ẢNH

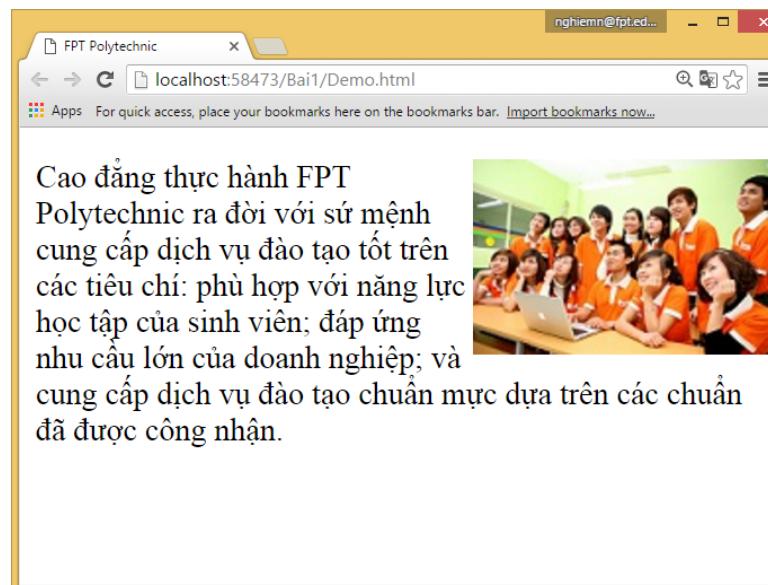


Hình ảnh

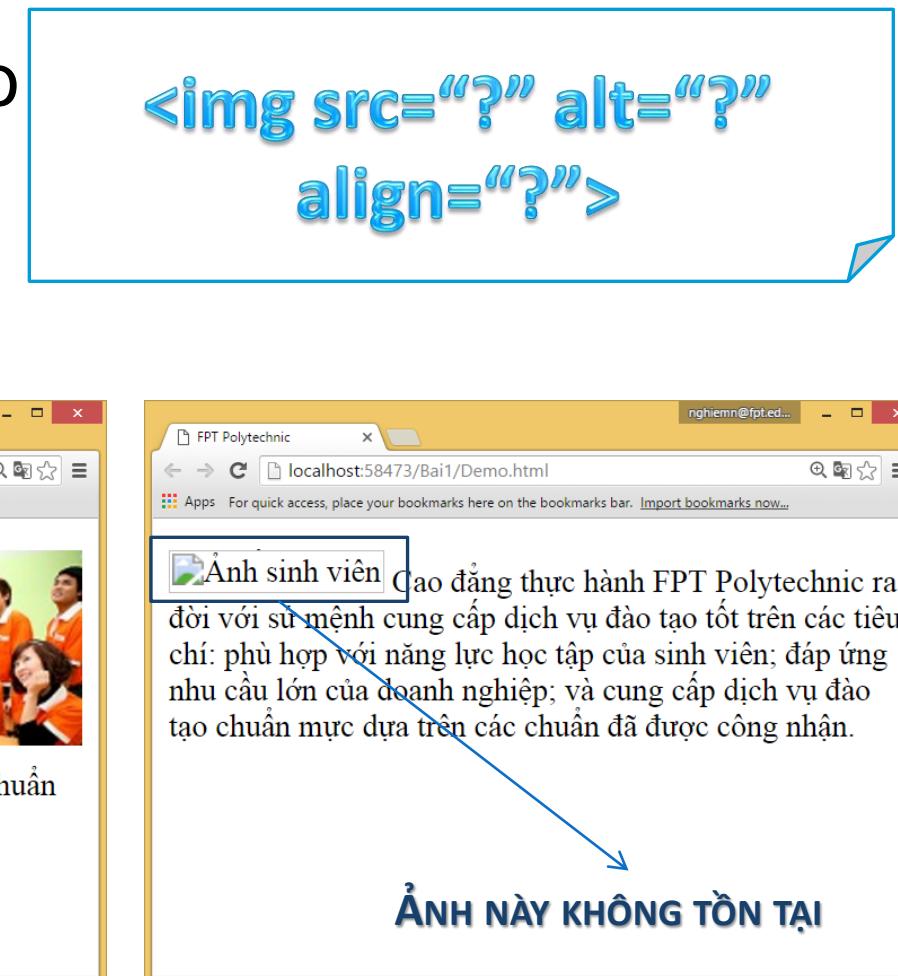
- ❑ Thẻ `` được sử dụng để nhúng ảnh vào
- ❑ Thẻ `` có các thuộc tính sau
 - `@src`: đường dẫn ảnh.



``



``



``

``

Đường dẫn ảnh

- ❑ Các dạng ảnh thường sử dụng trên web bao gồm gif, jpg, png
- ❑ Đường dẫn tương đối
 - src=“anh.jpg”
 - anh.jpg đặt cùng thư mục với trang web
 - src=“images/anh.jpg”
 - anh.jpg đặt trong thư mục images và thư mục này đặt cùng thư mục của trang web
 - src=“../images/anh.jpg”
 - anh.jpg đặt trong thư mục images và thư mục này đặt bên ngoài thư mục chứa trang web
 - src=“/images/anh.jpg”
 - anh.jpg đặt trong thư mục images và thư mục này đặt tại thư mục gốc của website
- ❑ Đường dẫn tuyệt đối
 - src=“<http://vnexpress.net/2016/images/anh.jpg>”
 - anh.jpg đặt tại thư mục 2016/images trên website của vnexpress.net

Bộ sưu tập ảnh

Trang tin tức

The screenshot shows a web browser window with the title 'FPT Polytechnic' and the URL 'localhost:54140/Slide1/Demo4/SuuTap.html'. The page content includes the title 'Bộ sưu tập ảnh' and a large, friendly-looking cartoon dog. Below the dog are four smaller cartoon characters: a boy with glasses, a girl, another boy, and a cat.

The screenshot shows a web browser window with the title 'FPT Polytechnic' and the URL 'localhost:54140/Slide1/Demo4/TinTuc.html'. The page content features the title 'Tin nổi bật' and three identical text blocks. Each text block includes a small cartoon illustration of a dog and a person reading a book. The text in the blocks is identical: 'FPT Polytechnic hân hạnh chào đón các bạn đến với môn học xây dựng trang web. Kết thúc môn học này bạn có thể tự tay xây dựng cho mình một website tĩnh dựa trên kiến thức HTML và CSS.'

Chèn hình vào trang web

Cú pháp:

```

```

trong đó:

width: là chiều rộng của hình

height: là chiều cao của hình

border: là độ dày của đường viền bao quanh hình.

Ví dụ:

```

```

Kết quả

Animal - Microsoft Internet Explorer

File Edit View Favorites Tools Help

Back Forward Stop Refresh Home Search Favorites

Address D:\lectures note\HTML\ex1.7_Links.html Go Links



Đây là Dolphin:
Kích vào để xem:
[Elephant](#)
[Crocodiles](#)
[Pinguini](#)
[Kangroo](#)
Mọi chi tiết xin liên hệ bằng [email](#)

Một số thẻ cơ bản khác

- <p> được sử dụng để phân đoạn
- <div> được sử dụng để phân vùng
- <hr> được sử dụng để tạo khung kẻ ngang
-
 được sử dụng để ngắt dòng
- Thẻ được chia làm 2 loại
 - Thẻ mức khối** là thẻ tách nội dung của nó thành một khối riêng (<p>, <div>, <h1>, <center>)
 - Thẻ nội tuyến** là thẻ nằm cùng một hàng từ trái sang phải (, , ...)

Siêu liên kết



Liên kết (Link) và Siêu liên kết (HyperLink)

- Liên kết (link): là 1 địa chỉ, chỉ đến 1 tài nguyên trên web (một trang HTML, hình ảnh, file âm thanh, một bộ phim, ...).
- Siêu liên kết (Hyperlink): là 1 liên kết có thể tương tác bằng cách nhấp chuột hoặc chọn bằng bàn phím hay 1 thiết bị khác.
- Một liên kết/ 1 siêu liên kết dùng để chỉ đến 1 tài nguyên trong cùng 1 website hoặc khác website, cùng 1 trang web hay 1 trang khác.

Siêu liên kết là gì?

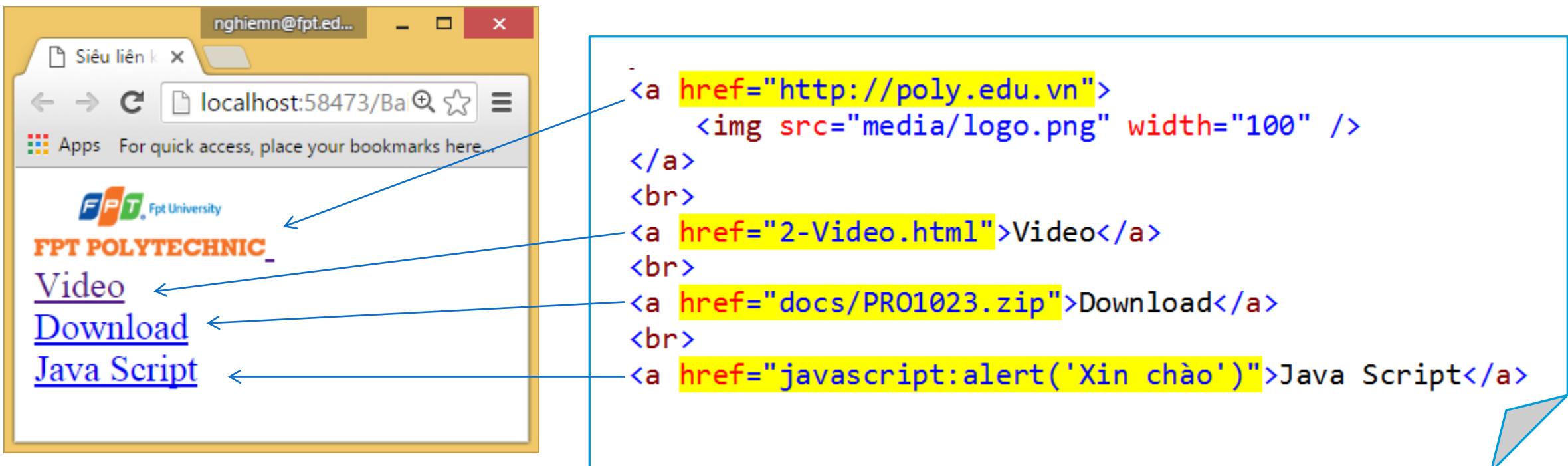


☐ Siêu liên kết có các công dụng sau

- **Liên kết** đến trang web khác, thậm chí đến trang của website khác.
- Thực hiện mã **javascript**
- **Tải** các tài nguyên từ internet

Siêu liên kết

- Thẻ **< a >** được sử dụng để xây dựng siêu liên kết.
- Thuộc tính **href** được sử dụng để liên kết đến tài nguyên hoặc script



Siêu liên kết

- ❑ Khai báo 1 siêu liên kết: dùng tag A

Cú pháp: ` Nhấn vào đây `

trong đó:

Nhấn vào đây: là dòng chữ được hiển thị

Link: là liên kết được chỉ đến

Ví dụ: ``

Trường CĐ Cộng Đồng Bình Thuận

``

Siêu liên kết

- ☐ Tạo 1 liên kết trong cùng 1 trang web: tạo 1 điểm neo và tạo liên kết chỉ đến điểm neo

+ Tạo 1 điểm neo:

` `

Ví dụ: ` `

+ Tạo 1 liên kết chỉ đến điểm neo:

` Mo ta `

Ví dụ: ` Về đầu trang `

Siêu liên kết

- - Tạo 1 liên kết chỉ đến địa chỉ email

Cp: ``

Tên chủ sở hữu email

``

Ví dụ:

``

Gửi mail cho Huỳnh Triệu Vy

``

Siêu liên kết

□ Thuộc tính Target

Cú pháp:

```
<a href="Link" target = "Giá trị">
```

Nhấn vào đây

```
</a>
```

trong đó:

Giá trị: có thể là _blank, _parent, _self, ...

Ví dụ:

Trường CĐ Cộng Đồng Bình Thuận

```
</a>
```

Siêu liên kết và hình ảnh

Kết quả



```
<HTML>
<head><title> Animal</title></head>
<body>  <font face="Time New Roman">
    Đây là Dolphin:
     <br>
    Kích vào để xem: <br>
    <a href = "Elephant.jpg"> Elephant </a><br>
    <a href = "Crocodiles.jpg"> Crocodiles</a><br>
    <a href = "Pinguini.jpg"> Pinguini</a><br>
    <a href = "Kangroo.jpg">Kangroo</a><br>
    Mọi chi tiết xin liên hệ bằng <a href = "mailto:Moetzoo@yahoo.com"> email </a>
</font>
</body>
</HTML>
```

FORM



Giới thiệu form

❑ Biểu mẫu là thành phần giao diện cho phép

- Nhận dữ liệu từ người dùng

- Trình bày dữ liệu cho người dùng xem

❑ Các biểu mẫu thường gặp

- Đăng ký, đăng nhập

- TÌM



form

Sign Up

It's free and always will be.

First name

Surname

Mobile number or email address

Re-enter mobile number or email address

New password

Birthday

Day

Month

Year

Why do I need to provide my date of birth?

Female Male

By clicking Sign Up, you agree to our Terms and that you have read our Data Policy, including our Cookie Use.

Sign Up

Tìm với Google

Xem trang đầu tiên tìm được

Ví dụ biểu mẫu đăng nhập

The image shows a screenshot of a web browser window titled "nghiemn@fpt.edu.vn". The URL bar displays "localhost:5847". The page content is a login form. On the left, there are labels and input fields: "User Name:" with a value of "abc", "Password:" with a value of ".....", a "Remember me?" checkbox labeled "Remember me?", and a "Login" button. Blue arrows point from these elements to the corresponding HTML code on the right.

Textbox → `<input name="id" type="text" />`

Password → `<input name="pw" type="password" />`

Checkbox → `<input name="re" type="checkbox" />`

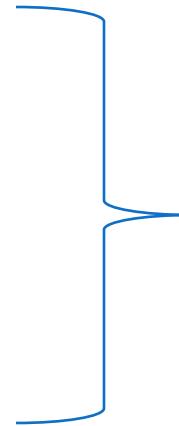
Button → `<button type="submit">Login</button>`

```
<form>
  <label>User Name:</label><br />
  <input name="id" type="text" />
  <br />
  <label>Password:</label><br />
  <input name="pw" type="password" />
  <br />
  <label>
    <input name="re" type="checkbox" />
    Remember me?
  </label>
  <hr />
  <button type="submit">Login</button>
</form>
```

Cấu trúc form

❑ Cấu trúc form

```
<form>
  <input/>
  <textarea/>
  <select/>
  <button/>
</form>
```



Các thẻ tạo các điều khiển trên form

❑ Diễn giải

- **<form>...</form>**: bắt đầu và kết thúc biểu mẫu
- **<input>**: tạo các điều khiển (textbox, checkbox, button...)
- **<select>**: tạo 2 điều khiển listbox và combobox
- **<textarea>**: tạo ô nhập nhiều dòng

Xây dựng form



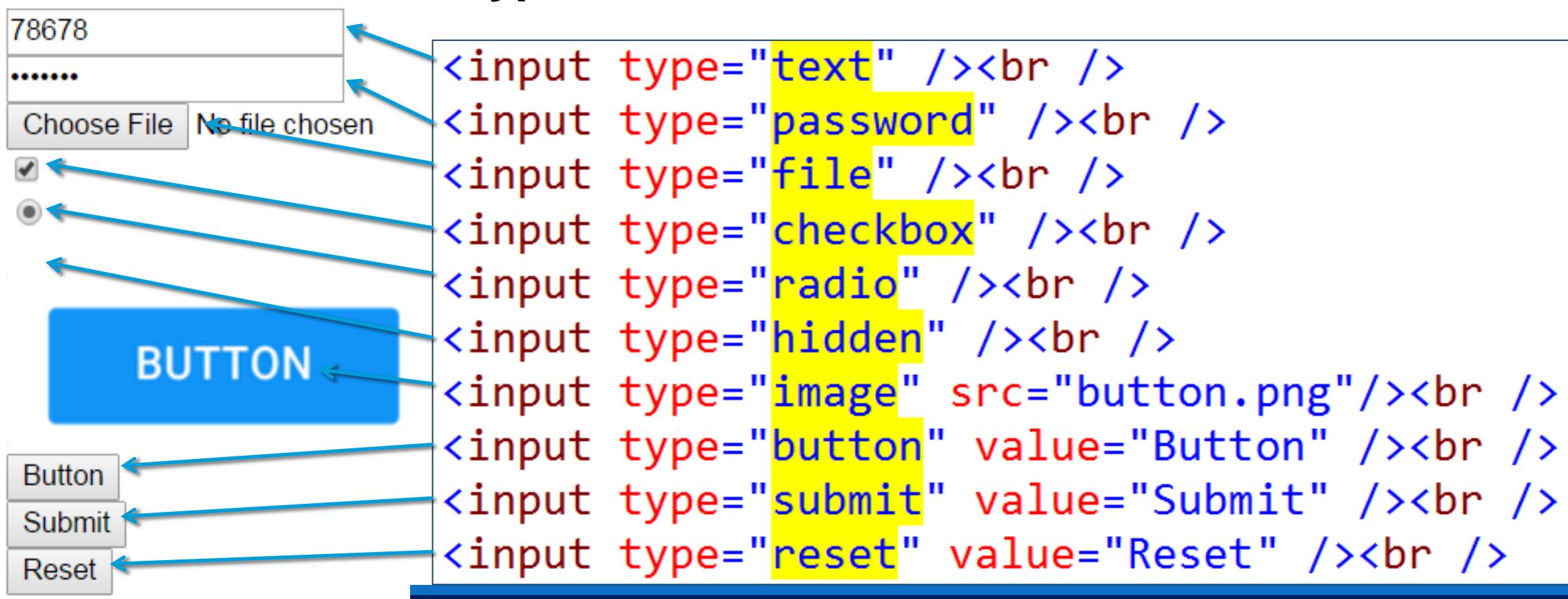
Thẻ <form>

```
<form action="xu-ly.php"
      method="post"
      enctype="multipart/form-data">
    <!--Các điều khiển-->
</form>
```

- ❑ Thẻ chứa các điều khiển trên form
- ❑ Các thuộc tính thường sử dụng
 - @**action**: chỉ ra chương trình xử lý form trên server
 - @**method**: phương thức truyền dữ liệu đến server (**post** hoặc **[get]**)
 - @**enctype**: kiểu đóng gói dữ liệu (**[application/x-www-form-urlencoded]**, **multipart/form-data**, **text/plain**)

Thẻ <input>

- Thẻ <input> được sử dụng để tạo ra 10 điều khiển khác nhau tùy vào giá trị của thuộc tính @type



Điều khiển file

- ❑ <input type="file">
- ❑ Trường file được sử dụng để upload file lên server
- ❑ Các ứng dụng file thường gặp
 - Gửi email có đính kèm file
 - Nộp hồ sơ xin việc qua mạng
 - Upload hình đại diện trên facebook, gmail...
- ❑ Nếu form có chứa trường file thì form phải có 2 thuộc tính quan trọng sau
 - @method="post"
 - @enctype="multipart/form-data"

```
<form action="upload.php"
      method="post"
      enctype="multipart/form-data">

    <input type="file" name="photo" />

    <button>Upload</button>
</form>
```

Ví dụ điều khiển file

The screenshot shows a web browser window with the URL `localhost:58473/Ba`. The page title is **ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN**. The form contains the following fields:

- User Name:
- Password:
- Full Name:
- Photo: (labeled "Choose File" and "No file chosen")
- Register

```
<h3>ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN</h3>
<form action="Register.php"
      method="post" enctype="multipart/form-data">
    <label>User Name:</label><br />
    <input name="id" type="text" /><br />

    <label>Password:</label><br />
    <input name="password" type="password" /><br />

    <label>Full Name:</label><br />
    <input name="fullname" type="text" /><br />

    <label>Photo:</label><br />
    <input name="photo" type="file" /><br />

    <hr />
    <button type="submit">Register</button>
</form>
```

Điều khiển Radio

- ❑ <input type="radio" name="?" checked>
- ❑ Radio thường tồn tại theo nhóm, mỗi nhóm từ 2 điều khiển trở lên, người sử dụng chỉ được phép chọn một.
- ❑ Những điều khiển radio **cùng tên sẽ tạo thành một nhóm**
- ❑ Thông tin thường được nhập thông qua lựa chọn radio
 - Giới tính: nam và nữ
 - Nhóm máu: A, B, AB, O hoặc Hiếm
 - Nghề nghiệp
 - Quốc gia

Giới tính:

Nam Nữ

Nhóm máu:

A B AB O Hiếm

Ví dụ điều khiển radio

```
<label>Giới tính:</label><br />
<label><input name="gender" type="radio" checked />Nam</label>
<label><input name="gender" type="radio" />Nữ</label><br />
```

```
<label>Nhóm máu:</label><br />
<label><input name="blood" type="radio" />A</label>
<label><input name="blood" type="radio" checked />B</label>
<label><input name="blood" type="radio" />AB</label>
<label><input name="blood" type="radio" />O</label>
<label><input name="blood" type="radio" />Hiếm</label><br />
```

Giới tính:

Nam Nữ

Nhóm máu:

A B AB O Hiếm

gender

Điều khiển checkbox

❑ <input type="checkbox" checked>

❑ Checkbox thường được sử dụng để nhập thông tin

- Trạng thái: có/không

- Có gia đình/độc thân

- Nam/nữ

- Còn/hết

- ...

- Nhiều lựa chọn

- Sở thích: Đọc sách, Nghe nhạc, Du lịch, Thể thao...

- Chức danh: Giám đốc, kế toán trưởng, kỹ thuật viên...

Tình trạng hôn nhân: Độc thân?
Sở thích: Du lịch Thể thao Âm nhạc Đọc sách Ca hát

Ví dụ checkbox

```
<div>
    Tình trạng hôn nhân
    <label><input name="status" type="checkbox" />Độc thân?</label>
</div>
<div>
    Sở thích
    <label><input name="hobby" type="checkbox" value="1" />Thể thao</label>
    <label><input name="hobby" type="checkbox" value="2" />Âm nhạc</label>
    <label><input name="hobby" type="checkbox" value="3" />Du lịch</label>
    <label><input name="hobby" type="checkbox" value="4" />Khác</label>
</div>
```

Tình trạng hôn nhân Độc thân?

Sở thích Thể thao Âm nhạc Du lịch Khác

Điều khiển hidden

- ❑ <input type="hidden" name="?" value="?">>
- ❑ Trường ẩn thường được sử dụng để chứa dữ liệu không muốn người sử dụng nhìn thấy.
- ❑ Các ứng dụng thường gặp
 - Chứa các giá trị mặc định
 - Chứa các giá trị do lập trình tính toán mà có
- ❑ Điều khiển này người thiết kế giao diện không cần quan tâm đến mà thường được sử dụng bởi người lập trình.

Điều khiển button

- `<input type="submit|reset|button|image" value="?" />`

❑ Có 4 dạng

- `<input type="submit" value="Submit" />`
 - gửi dữ liệu form đến server để xử lý
- `<input type="image" src="button.png" width="80" height="30"/>`
 - gửi dữ liệu form đến server để xử lý
- `<input type="reset" value="Reset" />`
 - khởi tạo lại trạng thái ban đầu của form
- `<input type="button" value="Button" />`
 - không có chức năng mặc định mà phải cài đặt mã riêng cho nút này

MỘT SỐ ĐIỀU KHIỂN TRÊN FORM

Các điều khiển định nghĩa bởi input tag:

1. Text : hộp nhập 1 dòng văn bản
2. Password: sử dụng cho dữ liệu kiểu password
3. File: Sử dụng để upload 1 file
4. Radio: radio button
5. Checkbox: hộp check box
6. Submit: nút lệnh sử dụng để submit thông tin bên trong trang đến server
7. Reset: nút lệnh sử dụng để nhập lại tất cả dữ liệu bên trong 1 form

Các điều khiển không định nghĩa với input tag:

Select: sử dụng để tạo combo box

Textarea: vùng nhập dữ liệu trên nhiều dòng

Thẻ <textarea>

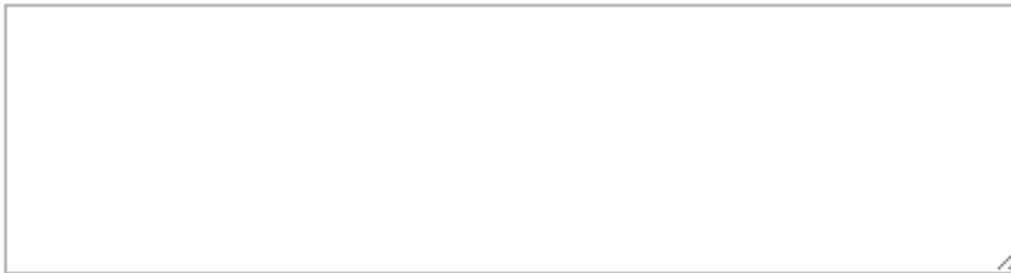
❑ <textarea rows="?" cols="?">

❑ Tạo ô nhập nhiều dòng.

❑ Các thuộc tính thường được sử dụng

- @rows: số hàng nhìn thấy, nhiều hơn phải cuộn
- @cols: số cột, mỗi cột có độ rộng bằng ký tự rộng nhất (M hoặc W)
- Như các điều khiển khác @name và @value vẫn được sử dụng

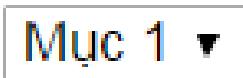
Ghi chú:



```
<label>Ghi chú:</label><br/>
<textarea rows="5" cols="40"></textarea>
```

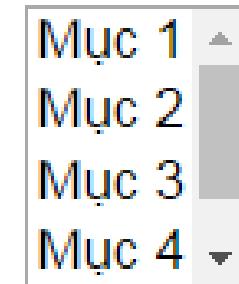
Thẻ <select>

- ❑ <select multiple size="?">
- ❑ Tạo danh sách mục chọn, 2 loại danh sách mục chọn:
 - **ComboBox** là danh sách các mục chỉ cho phép chọn một
 - **ListBox** là danh sách các mục cho chọn nhiều



```
<select>
  <option>Mục 1</option>
  <option>Mục 2</option>
  <option>Mục 3</option>
  <option>Mục 4</option>
  <option>Mục 5</option>
</select>
```

ComboBox



```
<select multiple size="4">
  <option>Mục 1</option>
  <option>Mục 2</option>
  <option>Mục 3</option>
  <option>Mục 4</option>
  <option>Mục 5</option>
</select>
```

ListBox

VÍ DỤ

- ❑ Ví dụ 1: tạo form gồm 2 text box họ tên và ngày sinh và 1 password <form>

Họ tên: <input type="text">

Ngày sinh: <input type="text">

Password: <input type="password">

</form>

Họ tên:	<input type="text"/>
Ngày sinh:	<input type="text"/>

YÊU CẦU

Nguoi dung moi

← → C File | C:/Users/Hong%20Lan/Untitled-2.html

Đăng ký người dùng

Họ tên:

Giới tính: Nam Nữ

Ngày sinh:

Trình độ chuyên môn:

Ngoại ngữ: Anh Pháp Đức Trung Khác

Email :

User Name:

Password:

Nhập lại password:

Ghi chú:

TABLE



TABLE

Một số thuộc tính trong bảng

Thuộc tính	Giá trị	Chức năng
Border	0,1 ,2, ..	Xác định độ rộng đường viền
cellpadding		
cellspacing		
align	Left, right, center, Justify	Canh lề trái, phải, giữa, đều 2 bên
v-align	top, middle, bottom	Canh lề theo chiều dọc: trên, giữa
width	Pixels %	Quy định độ rộng của ô
colspan	Số cột	Quy định số cột của ô
rowspan	Số dòng	Quy định số dòng của ô
bgcolor	#xxxxxxxx (mã màu)	Quy định màu nền cho ô

Table (3)

Ví dụ: tạo bảng

```
<TABLE border=1>
  <TR>
    <TD>Row 1, Cell 1</TD>
    <TD>Row 1, Cell 2</TD>
    <TD>Row 1, Cell 3</TD>
  </TR>
  <TR>
    <TD rowspan=2>Row 2, Cell 1</TD>
    <TD colspan=2>Row 2, Cell 2</TD>
  </TR>
  <TR>
    <TD>Row 3, Cell 2</TD>
    <TD>Row 3, Cell 3</TD>
  </TR>
</TABLE>
```

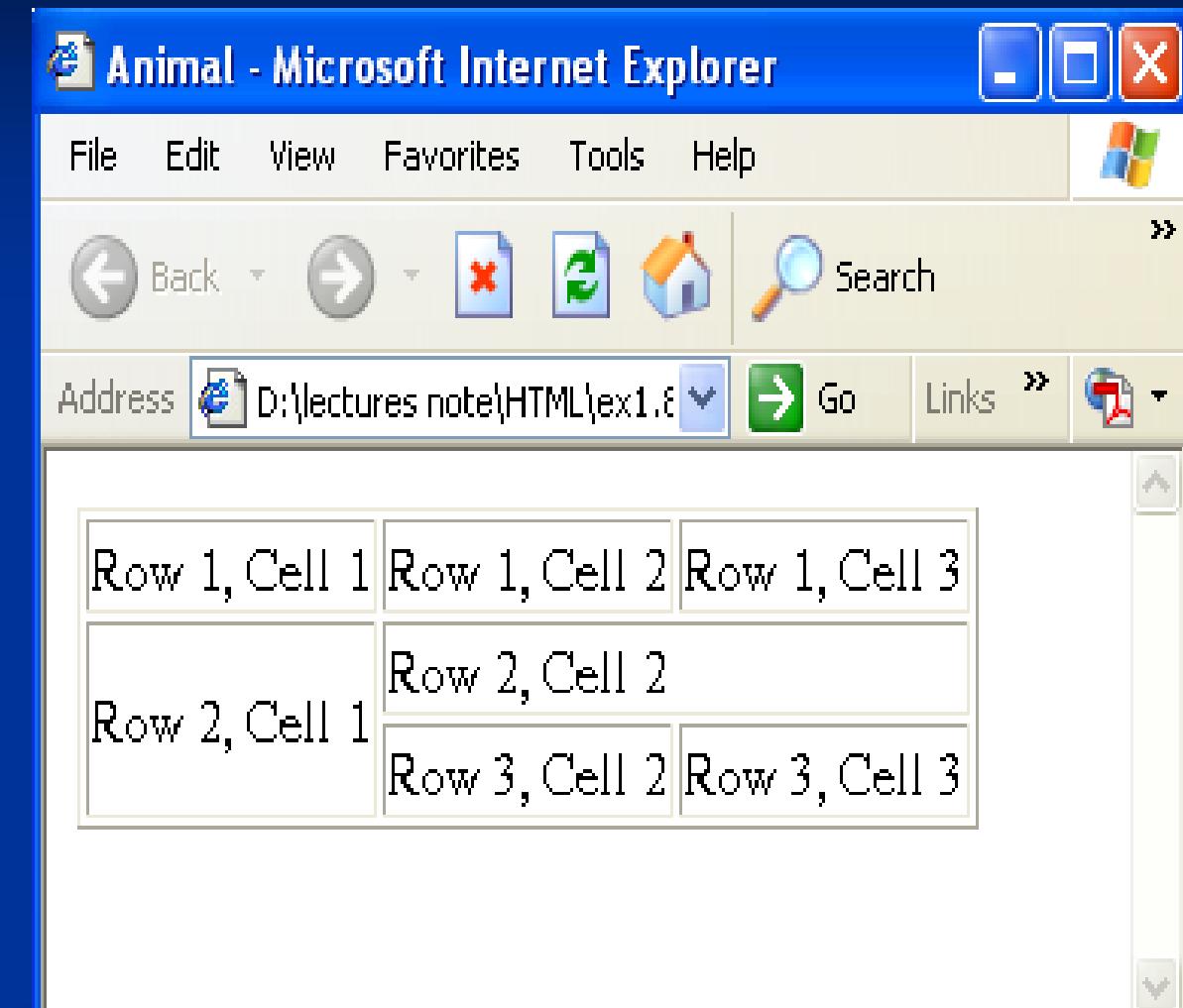


Table (4)

Ví dụ: tạo bảng

```
<TABLE border=1>
  <TR>
    <TD>Row 1, Cell 1</TD>
    <TD>Row 1, Cell 2</TD>
    <TD>Row 1, Cell 3</TD>
  </TR>
  <TR>
    <TD rowspan=2>Row 2, Cell
1</TD>
    <TD colspan=2>Row 2, Cell 2</TD>
  </TR>
  <TR>
    <TD>Row 3, Cell 2</TD>
    <TD>Row 3, Cell 3</TD>
  </TR>
</TABLE>
```

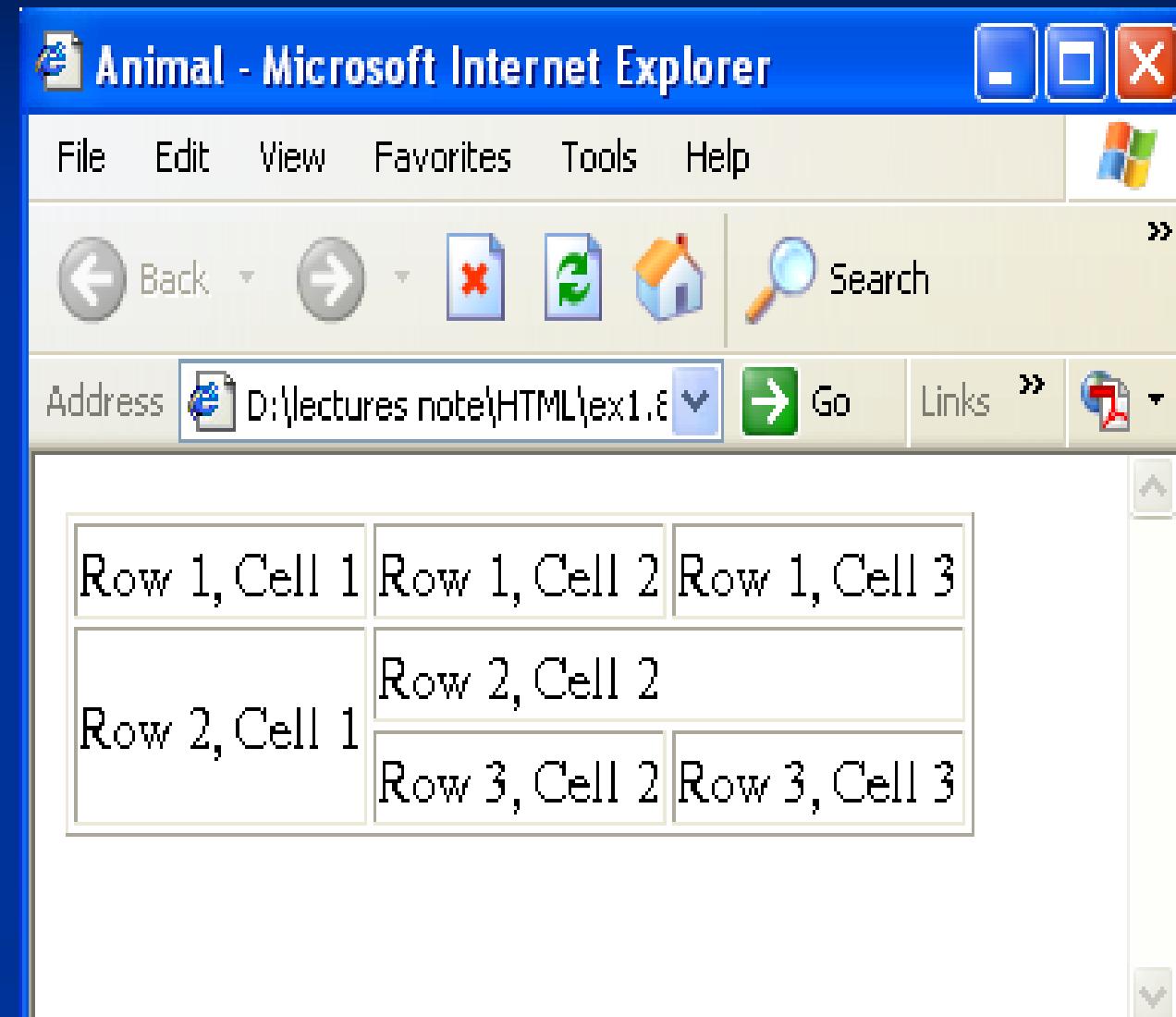


Table (5)

Ví dụ: Tạo bảng và căn lề cho cột

```
<table width="400" border="1">
<tr> <th align="left">Money spent on....</th>
<th align="right">January</th>
<th align="right">February</th></tr>
<tr><td align="left">Clothes</td>
<td align="right">$241.10</td>
<td align="right">$50.20</td> </tr>
<tr><td align="left">Make-Up</td>
<td align="right">$30.00</td>
<td align="right">$44.45</td> </tr>
<tr><td align="left">Food</td>
<td align="right">$730.40</td>
<td align="right">$650.00</td></tr>
</table>
```

Money spent on....	January	February
Clothes	\$241.10	\$50.20
Make-Up	\$30.00	\$44.45
Food	\$730.40	\$650.00

Frame (1)

Columns (Cột)

```
<frameset cols =“*,*”>
  <frame src =“page1.html”/>
  <frame src =“page2.html”/>
  ...
</frameset>
```

Rows (dòng)

```
<frameset rows =“*,*”>
  <frame src =“page1.html”/>
  <frame src =“page2.html”/>
  ...
</frameset>
```

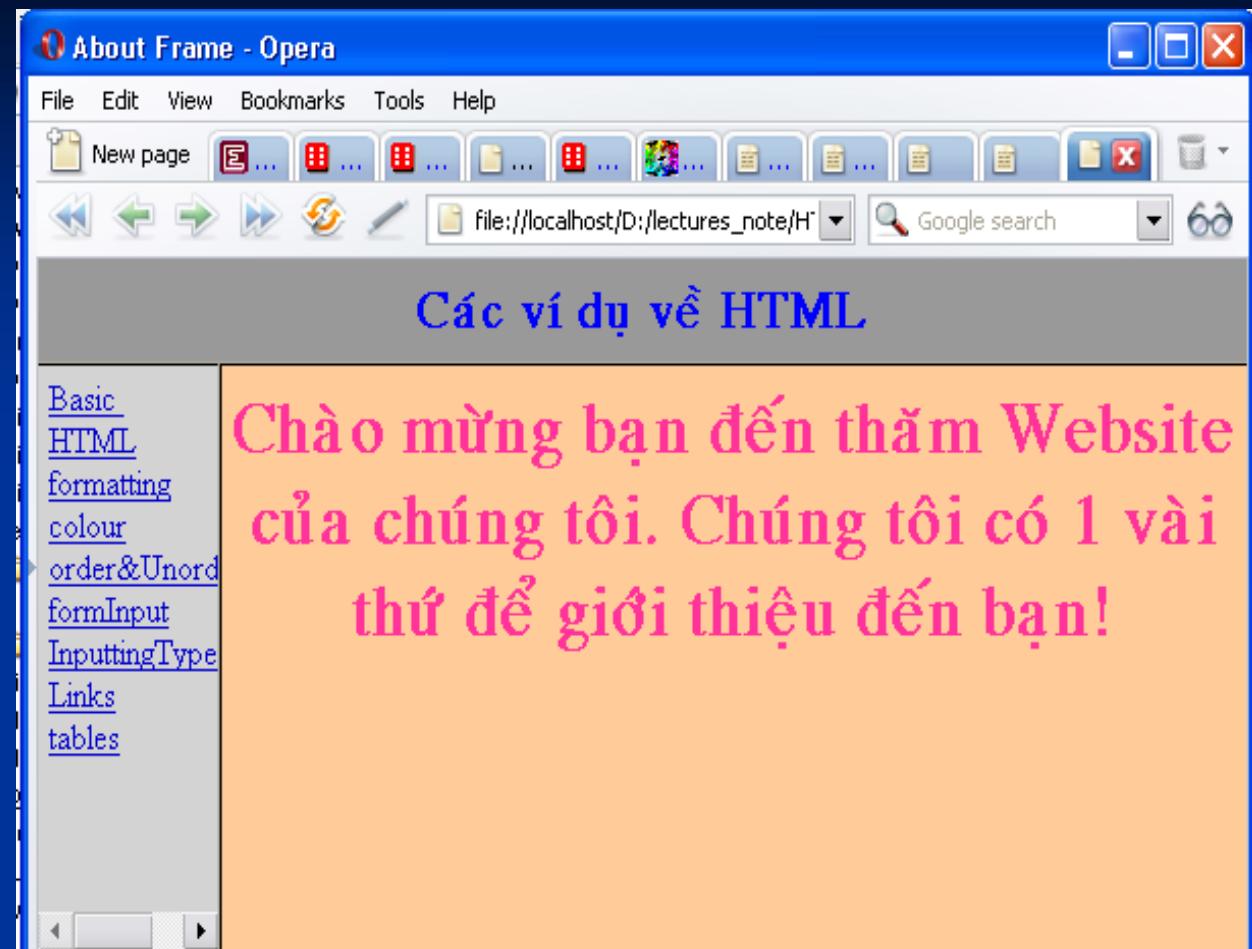
Frame (2)

Ví dụ: Sử dụng Frame

```
<!-- mainPage.html -->
<html>
<head>
<title> About HTML </title>
</head>
<frameset rows="15%, *">
    <frame src ="header.html" name= "header"/>
<frameset cols="15%, *">
    <frame src ="link.html" name= "links" />
    <frame src ="introduction.html" name="content"/>
</frameset>
</frameset>
</html>
```

Frame (3)

```
<!--links.html-->
<html>
<head><title> Links</title>
<base target = "content">
</head>
<body bgcolor="lightgrey">
<a href ="basichtml.html">Basic
    HTML</a><br/>
<a href ="format.html">formatting</a><br/>
<a href ="color.html">colour</a><br/>
<a
    href="Order&unOrderList.html">order&U
    norderList</a><br/>
<a href
    ="FormInput.html">formInput</a><br/>
<a href
    ="InputtingTypes.html">InputtingTypes</
    a><br/>
<a href ="Links.html">Links</a><br/>
<a href ="table.html">tables</a><br/>
</body>
</html>
```



Tài liệu tham khảo

- <https://www.w3schools.com/>